

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYỄN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5- 2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đoàn Tụ

2. Bà Hoàng Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng:
Không có.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Nguyễn N (Tên gọi khác: H); sinh ngày 30/6/1984
Địa chỉ: Đường 21/3/5 kiệt 66 đường X, phường P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Xuân H2, sinh ngày 12/02/1968

Địa chỉ: Tổ G, thị trấn Y, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - bà Đỗ Nguyễn N trình bày:

Về hôn nhân: Bà N kết hôn với ông Trần Xuân H2 từ năm 2001, hôn nhân tự nguyện, được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường. Năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mặc dù hai vợ chồng cố gắng khắc phục nhưng không được nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Bà N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, không thể hàn gắn khắc phục nên yêu cầu được ly hôn với ông H2.

- Về con chung: Bà N khai có hai con chung là Trần Thành P, sinh ngày 03/01/2002 và Trần Gia T, sinh ngày 28/8/2009. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con cho đến tuổi thành niên và yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000,đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng/hai con.

- Về chia tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2018 ông Trần Xuân H2 trình bày:

Về hôn nhân: Ông H2 xác nhận những lời khai của bà N về thời gian, điều kiện, thủ tục kết hôn đúng như bà N trình bày, ông H2 không có ý kiến gì thêm. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh khi bà N làm chữ thập đỏ tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tĩnh Túc. Bà N không còn quan tâm đến chồng con, thường xuyên về khuya và say rượu. Tình cảm vợ chồng ổn định hơn khi cả gia đình chuyển về Huế sinh sống. Tuy nhiên, đến tháng 8/2018 lại bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông H2 đi làm ăn xa, bà N không ở nhà để quan tâm, chăm sóc con cái. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông H2 đồng ý với yêu cầu của bà N.

- Về con chung: Ông H2 xác nhận có hai con chung như bà N đã trình bày. Bà N không có nhà cửa, không có việc làm ổn định, không đủ điều kiện và khả năng nuôi dưỡng các con nên ông H2 không đồng ý giao con chung cho bà N nuôi dưỡng. Ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến 18 tuổi và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không có.

Tại các bản tự khai ngày 26/12/2018 các cháu Trần Thành P và Trần Gia T có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Bà Đỗ Nguyễn N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Xuân H2. Ông H2 cư trú tại tổ

3, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án, ngày 26/12/2018, ông H2 đến Tòa án nộp văn bản ghi ý kiến của ông H2 đối với yêu cầu khởi kiện của bà N và giao nộp các tài liệu, chứng cứ đồng thời viết bản tự khai. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông H2 đã được Tòa án triệu tập và Thông báo hợp lệ về việc Kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông H2 nhận được giấy triệu tập nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Việc vắng mặt của ông H2 dẫn đến hậu quả Tòa án không tiến hành hòa giải được là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 24/4/2019 ông H2 được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 21/5/2019. Ông H2 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ vợ chồng*: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 53 do Ủy ban nhân dân thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao cấp cho Trần Xuân H2 và Đỗ Nguyễn N ngày 21/06/2010, hôn nhân của ông H2, bà N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cùng thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân của bà N, ông H2 đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Theo bản tự khai của bà N và ông H2, ông bà xác nhận có hai con chung là Trần Thành P, sinh ngày 03/01/2002 và Trần Gia T, sinh ngày 28/8/2009. Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi tròn 18 tuổi và yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000,đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/hai con. Ông H2 không đồng ý với yêu cầu của bà N vì cho rằng bà N không có nhà cửa, không có việc làm ổn định nên không đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Ông H2 yêu cầu được nuôi cả hai con cho đến khi tròn 18 tuổi và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Theo bản tự khai ngày 26/12/2018, cháu P và cháu T có nguyện vọng sống chung với mẹ. Tại phiên tòa, bà N thay đổi ý kiến, yêu cầu mỗi người nuôi một con, bà N nuôi cháu T, ông H2 nuôi cháu P, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu về nuôi con chung của bà N tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân cũng như điều kiện thực tế của hai bên nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu Trần Thành P, sinh ngày 03/01/2002 cho ông H2 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu

Trần Gia T, sinh ngày 28/8/2009 cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Bà N, ông H2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Áp dụng Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đỗ Nguyễn N được ly hôn với ông Trần Xuân H2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 52 do Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 21/6/2010 giữa Trần Xuân H2 và Đỗ Nguyễn N không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cháu Trần Thành P, sinh ngày 03/01/2002 cho ông Trần Xuân H2 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Giao cháu Trần Gia T, sinh ngày 28/8/2009 cho bà Đỗ Nguyễn N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H2, bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

4. *Về án phí*: Bà N phải chịu 300.000,đ án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước nhưng được tính đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ đã nộp theo Biên lai thu số AB/2016/0001221 ngày 14 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND thị trấn Y;
- Đường sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngôn Ngọc Viên